TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 28-4-2026
v/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – LÂM ĐỒNG

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Lâm Thị Mỹ Kỷ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Minh

Ông Phan Hoài Bảo

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Văn Hồng Lễ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trương Vĩnh Vinh – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 18/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2026/QĐHPT – HNGĐ, ngày 13/4/2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn H**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: thôn T, xã Q, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn A, xã P, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Nguyễn H trình bày: Bà và ông Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và sống với nhau, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới hỏi cho vợ chồng, vợ chồng bà có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cũ vào năm 2024.

Sau khi cưới, ông Nguyễn T và bà sinh sống ở Phan Thiết, cuộc sống của vợ

chồng chỉ hanh phúc được khoảng thời gian đầu, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông Nguyễn T mỗi khi nhậu vào là kiếm chuyện đánh đập bà, từ đó thường xuyên cải vả, mặc dù đã cố gắng chịu đựng nhưng do không có tiếng nói chung nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2024 đến nay bà và ông Nguyễn T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Khi làm đơn ly hôn bà có thông báo cho ông Nguyễn T biết, nhưng ông Nguyễn T không đồng ý đến Tòa giải quyết.

Nhận thấy đời sống hôn nhân đã không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn T.

Về con chung: Trong giai đoạn hôn nhân bà và ông Nguyễn T không có con chung.

Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn T: theo biên bản xác minh tại thôn A, xã P, tỉnh Lâm Đồng thì ông Nguyễn T hiện có đăng ký thường trú tại thôn A, xã P. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn T theo đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật đã quy định nhưng ông Nguyễn T từ chối nhận văn bản của Tòa và cố tình vắng mặt cũng như không thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến kiểm sát về việc tuân theo pháp luật:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc tuân theo pháp luật của thư ký phiên tòa: thư ký đã tuân thủ theo đúng quy định tại các Điều 237 và Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn H đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70 và Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn T thực hiện không đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn H. Bà Nguyễn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn T, do đó đây là vụ án "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nguyễn T có nơi cư trú tại thôn A, xã P, tỉnh Lâm Đồng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ông Nguyễn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn H có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn H và ông Nguyễn T theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Theo lời trình bày của nguyên đơn, cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì bà Nguyễn H và ông Nguyễn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiến Lợi, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận cũ vào năm 2024 nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp.

Bà Nguyễn H trình bày vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, ông Nguyễn T mỗi khi nhậu vào là kiếm chuyện đánh đập bà. Từ năm 2024 đến nay bà và ông Nguyễn T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Nguyễn T không chấp hành, điều này chứng tỏ ông Nguyễn T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn tình cảm với bà Nguyễn H.

Nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nguyễn H và ông Nguyễn T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, để đảm bảo quyền lợi của các đương sự và để ổn định cuộc sống cho các bên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn H.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn H và ông Nguyễn T không có con chung nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà Nguyễn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết quan hệ này.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Lâm Đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn H là người có yêu cầu ly hôn nên phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 146; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

2/ Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn H đối với ông Nguyễn T.

Bà Nguyễn H được ly hôn với ông Nguyễn T.

3/Về án phí: bà Nguyễn H phải nộp **300.000** đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn. Bà Nguyễn H đã nộp **300.000** đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm tại biên lai thu số 0000332 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng, bà Nguyễn H đã nộp đủ án phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Án xử công khai nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 14 – Lâm Đồng
- Phòng THADS khu vực 14 – Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Thị Mỹ Kỷ

TAND KHU VỰC 14

5NG280426.TL.QDBA
732